

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2019/DS-PT

Ngày: 18/4/2019

V/v tranh chấp: “Đòi
quyền sử dụng đất và yêu
cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Các Thẩm phán:

Bà **Trần Thị Kim Em**

Ông **Mai Hoàng Khải**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Quang Minh** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 402/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1938;

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị S: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1966 (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/07/2017) (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Yến N**, sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: số 13/2, ấp M, xã Mỹ P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1932;

Địa chỉ: số 13/2, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H: Bà **Lê Thị Yên N**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: số 13/2, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.2. **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố M, Phòng giao dịch A.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Trọng T** – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch A. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 21 – 23, đường A, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3. **Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn M** - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C. (vắng mặt)

3.4. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1964;

3.5. Ông **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm 1978;

3.6. Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1981.

3.7. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1984;

3.8. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1977;

3.9. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1937;

Cùng địa chỉ: số 13/2, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.10. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1966;

3.11. Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1973;

3.12. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1979;

3.13. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.14. Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.15. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

3.16. Bà **Phùng Thị Kim T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.17. Bà **Từ Thị Kim T**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, Long An.

4. Người kháng cáo:

4.1. Bị đơn **Lê Thị Yến N.**

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Lê Văn H.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị S** trình bày:

Bà và ông Lê Văn H đã chung sống với nhau vào năm 1967 và có 04 người con chung. Trong quá trình chung sống ông bà có tạo lập được 02 thửa đất với tổng diện tích khoảng 2.700m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn H. Khoảng tháng 07/2014 khi bà S bị bệnh phải nằm viện thì ở nhà ông H đã tự ý làm hợp đồng tặng cho con riêng của ông H là chị Lê Thị Yến N 02 thửa đất nêu trên. Hơn một tháng sau bà mới biết ông H tặng cho đất chị N và chị N đã đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 29, tờ bản đồ số 31 diện tích 1704m², giấy đất số CH01608 và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31 diện tích 650m², giấy đất số CH01609 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 26/08/2014.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Lê Thị Yến N, buộc chị N phải trả lại cho bà phần đất thửa số 29, tờ bản đồ số 31 diện tích 1704m², giấy đất số CH01608 và thửa số 30, tờ bản đồ số 31 diện tích 650m², tổng cộng diện tích 2.354m² đất.

* Bị đơn chị **Lê Thị Yến N** trình bày:

Nguồn gốc đất mà bà Nguyễn Thị S tranh chấp là tài sản riêng của cha chị là ông Lê Văn H. Ông H đã tặng cho chị quyền sử dụng đất và chị đã đứng tên quyền sử dụng đất hợp pháp nên chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà S.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Văn H** trình bày:

Phần diện tích đất 2.354m² là tài sản riêng của ông H, nguồn tiền mua đất từ việc ông bán phần đất do Nhà nước cấp cho ông và người vợ trước là bà Nguyễn Thị N. Ông sống với bà S từ năm 1967 không có tạo lập được phần đất nào khác. Việc tặng cho phần diện tích 2.354m² cho chị N là hoàn toàn hợp pháp nên ông không đồng ý theo nội dung yêu cầu khởi kiện của bà S.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị N** trình bày:

Phần diện tích đất là tài sản riêng của ông H, nguồn tiền mua đất từ việc ông H bán cho phần đất do Nhà nước cấp cho ông H và bà (bà và ông H kết hôn vào năm 1954) nhưng không thông qua ý kiến của bà. Sau đó ông H tự ý lấy tiền bán đất để mua 02 thửa đất đang tranh chấp tại xã T, huyện C. Việc ông H tặng cho phần diện tích 2.354m² cho chị N là hoàn toàn hợp pháp. Nay bà không có yêu cầu gì và không có tranh chấp gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 402/2018/DS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Xử:

Chấp nhận theo đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Lê Văn H và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị M với bên được tặng cho là chị Lê Thị Yến N được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực số 140 Quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 01/08/2014 vô hiệu.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị Lê Thị Yến N số vào sổ cấp GCN: CH01608 thửa đất số 29, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.704m² là đất trồng cây hàng năm và giấy có số vào sổ cấp GCN: CH01609 thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31, diện tích 650m² là đất chuyên trồng lúa nước, cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cùng được cấp vào ngày 26/08/2014.

Xác định thửa đất số 29, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.704m² và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31, diện tích 650m², cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là quyền sử dụng chung của hộ ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị S. Buộc chị Lê Thị Yến N và anh Trần Văn H trả lại cho hộ ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị S thửa đất số 29, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.704m² là đất trồng cây hàng năm và giấy có số vào sổ cấp GCN: CH01609 thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31, diện tích 650m² là đất chuyên trồng lúa nước, cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Thi hành án ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà S, ông H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 22 tháng 11 năm 2018, bị đơn Lê Thị Yến N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 402/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ nội dung bản án. Lý do thửa đất số 2782 và 2783 là tài sản riêng của ông Lê Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lê Thị Yến N trình bày trước đây cứ nghĩ là việc tặng cho của ông Lê Văn H và thành viên trong hộ vào thời điểm năm 2014 là đúng pháp luật, qua giải thích của Hội đồng xét xử thì thấy việc tặng cho quyền sử dụng đất được lập vào ngày 01/08/2014 là không phù hợp theo qui định của pháp luật, chị N đồng ý hủy hợp đồng tặng cho trên, đồng ý trả lại phần đất có diện tích 1.704m² thửa số 29 và thửa số 30 diện tích 650m² tờ bản đồ số 31 cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho ông Lê Văn H.

- Ông Lê Văn H cho rằng phần đất đang tranh chấp là tài sản riêng của ông.

- Ông Trần Văn N đại diện của bà Nguyễn Thị S không đồng ý theo yêu cầu của ông H và chị N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lê Thị Yến N thống nhất hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập ngày 01/08/2014, tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ, đúng pháp luật, tại phiên tòa ông H, chị N không có cung cấp được những chứng cứ gì mới để bổ sung cho nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, chị N có nhiều lập luận cho rằng thửa đất số 29 và thửa đất số 30 tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là của riêng ông Lê Văn H, nguồn tiền chuyển nhượng đất là do ông H sang nhượng nhà đất ở xã M, thành phố M về trả cho ông T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, ông H, sửa bản án sơ thẩm số 402/2018/DS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim P, Trần Văn H, Nguyễn Văn T, Phùng Thị Kim T, Từ Thị Kim T có văn bản xin vắng mặt hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện C, anh H, anh M, chị M, anh M, chị M, bà N, anh H, chị H, anh N, chị P, anh H, ông T, chị T, chị T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S thuộc tranh chấp dân sự, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đòi lại quyền sử dụng đất, căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

[3] Về nội dung :

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H, chị Lê Thị Yến N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần diện tích tranh chấp gồm thửa số 29, tờ bản đồ số 31,

diện tích 1.704m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01608 và thửa số 30, tờ bản đồ số 31 diện tích 650m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01609 cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 26/8/2014 cho chị Lê Thị Yên N. Chị Lê Thị Yên N là con riêng của ông Lê Văn H. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc do ông Lê Văn H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T vào năm 2000 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T ngày 24/03/2000. Ông Lê Văn H đại diện hộ gia đình đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02328/QSDD/số321/QĐUB ngày 17/4/2000 với tổng diện tích 2.701m² đất, gồm thửa đất số 2782 diện tích 2.020m² đất màu và thửa đất số 2783 diện tích 681m² đất lúa cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hộ của ông H gồm ông H, bà Nguyễn Thị S cùng các con chung của ông H, bà S là Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim P (con dâu), Nguyễn Thị Thu H (con dâu) có hộ khẩu tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo bà Nguyễn Thị S trình bày hai thửa đất nêu trên bà và ông Lê Văn H sống với nhau như vợ chồng từ năm 1967 đến năm 2000 tạo lập nên, việc ông H tự ý làm hợp đồng tặng cho chị Lê Thị Yên N mà không có sự đồng ý của bà S là không đúng qui định pháp luật nên bà S yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp ngày 26/8/2014 cho chị N, buộc chị N trả lại diện tích phần đất tranh chấp nêu trên. Phía chị N không đồng ý theo yêu cầu của bà S bởi chị N cho rằng quyền sử dụng đất là của riêng cha chị là ông Lê Văn H, ông H và bà N (vợ trước của ông H kết hôn từ năm 1957), nguồn tiền mua 02 thửa trên từ việc bán nhà đất tại xã M, thành phố M được nhà nước cấp đất cho ông H, bà N. Ông H sống chung với bà S từ năm 1967 không có tạo lập phần đất nào khác nên phần đất tranh chấp là tài sản riêng của ông H. Nhưng thực tế, vào năm 2000 ông H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang mà có. Trong khi đó ông T khai rằng ông chuyển nhượng đất cho ông H, bà S và ông nhận tiền chuyển nhượng từ bà S.

Mặt khác, vào ngày 22/6/2002 ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị S có làm văn bản, ông H, bà S cùng một số người làm chứng đồng ý chuyển nhượng phần diện tích đất hiện nay đang tranh chấp cho chị Huỳnh Thị A, ngụ xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tuy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không thành công nhưng đó thể hiện ý chí của ông Hai lúc đó quyền sử dụng đất là của chung ông H và bà S (BL05).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S thì chị N, ông H và bà N đều không có chứng cứ gì có giá trị pháp lý để chứng minh phần đất tranh chấp nêu trên là tài sản riêng của ông Lê Văn H.

Đối với anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H là con ruột và chị Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Thị Thu H là con dâu của ông H, bà S là những người có tên trong thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình bày quyền sử dụng đất là tài sản chung của ông H, bà S nên không có ý kiến và tranh chấp gì. Theo đơn khởi kiện của bà S yêu cầu chị Lê Thị Yên N trả lại cho bà phần đất tranh chấp là không có cơ sở. Bởi phần đất tranh chấp được sang nhượng trong thời

gian bà chung sống với ông H, nên Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của ông H, bà S.

Bà S không yêu cầu phân chia cụ thể mà chỉ yêu cầu chị N trả lại phần đất tranh chấp cho ông H và bà S. Trường hợp sau này bà S có yêu cầu phân chia tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Yến N cho rằng việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn H và các thành viên trong hộ chị N gồm chồng chị N và các con chị N tại xã M, thành phố M do ông H chuyển đến vào ngày 09/04/2011. Hợp đồng tặng cho ngày 01/08/2014 không phù hợp theo qui định của pháp luật, nên chị N đồng ý hủy hợp đồng tặng cho trên.

Đối với anh Trần Văn H là người thuê đất với chị Lê Thị Yến N không có thỏa thuận thời hạn thuê đất. Trường hợp khi nào chị N cần lấy lại đất thì báo trước cho anh, khi nào thu hoạch xong rau màu trên đất thì anh sẽ trả đất lại và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Hiện nay, anh H đang trồng cây hàng năm (rau màu) trên đất và anh đang quản lý phần đất này nên cần buộc anh Hạnh trả lại phần đất này cho ông H, bà S. Nếu anh H có tranh chấp về hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa anh H và chị N sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Đối với chị Phùng Thị Kim T và chị Từ Thị Kim T là người trực tiếp xây dựng hàng rào lấn qua phần đất tranh chấp. Hiện chị T và chị T đã tháo dỡ hàng rào và trả lại hiện trạng ban đầu đối với phần đất tranh chấp, đồng thời chị T và chị T không tranh chấp hay ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo chị N trình bày vào ngày 04/09/2014 chị có thể chấp toàn bộ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 31 diện tích 1.704m² là đất trồng cây hàng năm, sổ vào sổ cấp GCN: CH01608 và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31, diện tích 650m² là đất trồng lúa nước, sổ vào sổ cấp GCN: CH01609 cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh thành phố M - phòng giao dịch A để vay tiền, chị đã trả tiền cho ngân hàng xong và lấy giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại.

Xét nội dung trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N và ông H có một phần phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có một phần phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận một phần.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Yến N, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H, sửa một phần bản án số 402/2018/DS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

[4] Về án phí:

Căn cứ Khoản 2 Điều 29 NQ326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì ông Lê Văn H, chị Lê Thị Yến N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nên được hoàn tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Điều 256, Điều 127, Điều 128, Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 26, Khoản 2 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Yến N, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 402/2018/DS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Lê Văn H và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị M với bên tặng cho là chị Lê Thị Yến N được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực số 140, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 01/8/2014 là vô hiệu.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị Lê Thị Yến N số vào sổ GCN : CH01608 thửa đất số 29, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.704m² là đất trồng cây hàng năm và giấy có số vào sổ cấp GCN: CH01609 thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31, diện tích 650m² là đất chuyên trồng lúa nước, cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cùng được cấp vào ngày 26/8/2014.

- Xác định thửa đất số 29, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.704m² và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31, diện tích 650m² cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là quyền sử dụng chung của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị S.

Buộc chị Lê Thị Yến N và anh Trần Văn H trả lại cho ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị S thửa đất số 29, tờ bản đồ số 31 diện tích 1704m² và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31, diện tích 650m², cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ kèm theo).

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông H, bà S có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Về án phí :

- Chị Lê Thị Yến N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, chị N phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015326 ngày 22/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, được hoàn lại 100.000 đồng tạm ứng án phí.

- Ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015327 ngày 22/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên được hoàn lại.

- Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà S đã nộp 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0030413 ngày 10/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên được hoàn lại.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp lý kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 18/4/2019, có mặt anh N, chị N./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Sâm Hương